

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 61/2020/DSPT

Ngày 26 - 3- 2020

V/v “Tranh chấp bồi thường
Nhà nước”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Y Phi K Buôr và ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS ngày 09/01/2020, về việc “Tranh chấp bồi thường Nhà nước”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn C kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H;

Địa chỉ: Thôn YT1, xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; (Bà H ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng) – Ông Hồ Văn C (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ủy ban nhân dân huyện L;

Trụ sở tại: đường L, thị trấn LS, huyện L, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Y B Hđơk – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk; ông Y B Hđơk ủy quyền tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 153/GUQ-UBND ngày 07/6/2019, cho:

+ Ông Bùi Quốc S – Trưởng phòng Tư pháp huyện L (Có mặt);

+ Ông Nguyễn Văn V – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

*** Người làm chứng:**

1. Ông Tô Viết N - (Có mặt),

Địa chỉ: thôn YT2, xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ông Trần Minh H1 - (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn YT1, xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk;

3. Ông Trần Văn C1 - (Có mặt)

Địa chỉ: thôn YT, xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk;

*Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H trình bày:

Năm 1995 - 1996, hộ ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H có nhận chuyển nhượng đất của một số hộ dân để canh tác lúa. Đến ngày 12/12/2011, hộ ông C, Bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 705699, diện tích: 335,5 m² thửa số 253, tờ bản đồ số 55;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 705700, diện tích: 1915,7 m² thửa số 224, tờ bản đồ số 55;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 705701, diện tích: 3298,1 m² thửa số 220, tờ bản đồ số 55.

Tất cả các thửa đất nói trên đều tọa lạc tại xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Hộ ông C, Bà H đã thế chấp Quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn sản xuất kinh doanh.

Ngày 25/4/2014, hộ ông C, Bà H được cán bộ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L cho biết là Chủ tịch UBND huyện L đã có Quyết định số 1181/QĐ-UB ngày 17/4/2014 về việc thu hồi, hủy bỏ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu gia đình ông C, Bà H phải trả nợ trước hạn; trong khi đó, hộ ông C, Bà H không được nhận quyết định thu hồi trên. Do quyết định 1181 trên của UBND huyện L đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông C, Bà H nên ông, bà đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L nhưng không được xem xét, giải quyết; sau đó ông C, Bà H đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu hủy bỏ Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1181.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 về việc hủy bỏ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 nên hộ ông C, Bà H đã rút đơn khởi kiện quyết định hành chính và Tòa án đã đình chỉ giải

quyết vụ án tại Quyết định số 01/2015/QĐST-HC ngày 24/6/2015.

Ngày 01/4/2017, hộ ông C, Bà H đã “khiếu nại”, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường do ban hành quyết định trái pháp luật gây ra gồm các khoản như sau:

Khoản thứ nhất: Tiền vay nợ nóng 60 triệu đồng để trả nợ trước hạn 06 tháng với mức lãi 3%/tháng = 10.800.000 đồng.

Khoản thứ hai: Tiền mất thu nhập trên diện tích đất 6,7 sào, đất sử dụng mỗi năm 02 vụ (01 vụ lúa, 01 vụ khoai) trong thời hạn 14 tháng là:

- 6,7 sào khoai lang mỗi vụ thu hoạch từ 17 triệu đồng đến 20 triệu đồng/ sào tương ứng với số tiền 115.000.000 đồng.

- 6,7 sào lúa/01 vụ thu hoạch 06 tấn lúa, mỗi tấn 06 triệu đồng = 06 tấn x 6.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản là 161.800.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Sau hơn một năm, Ủy ban nhân dân huyện L mới ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện L đã giải quyết bồi thường cho hộ ông C, Bà H số tiền 3.584.000 đồng, trong đó: tiền ngày công đi lại là 3.000.000 đồng, các chi phí khác là 584.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết bồi thường trên, ngày 16/5/2019, ông C, Bà H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường 161.800.000 đồng, ngoài ra còn phải bồi thường thêm tiền công đi lại là 3.000.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 08/10/2019, ông C bổ sung yêu cầu bồi thường khoản tiền công đi lại, kiện tụng là 60 ngày công x 200.000 đồng/ngày = 12.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà ông C, Bà H yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường là 173.800.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Trên cơ sở Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 13/9/2013 của UBND xã ĐN, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND, ngày 17/4/2014 để thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 220, 224 và 253 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG705701; BG 705700 và BG 705699 do UBND huyện L cấp ngày 12/12/ 2011 đứng tên chủ hộ ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H; lý do thu hồi: cấp nhầm diện tích đất 5% của xã.

Trong quá trình hộ ông C, Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ

Quyết định 1181/QĐ-UBND thì Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 về việc hủy bỏ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 17/4/2014; lý do hủy bỏ là do Quyết định 1181/QĐ-UBND ban hành trái thẩm quyền.

Tại Quyết định 1264/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện L đã giải quyết bồi thường cho hộ ông C, Bà H số tiền 3.584.000 đồng (thiệt hại do ngày công đi lại là 3.000.000 đồng, các chi phí khác được bồi thường là: 584.000 đồng).

Nay Ủy ban nhân dân huyện L không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với các khoản tiền lãi do vay lãi nóng để trả nợ trước hạn và khoản hoa lợi, lợi tức thất thu như yêu cầu của ông C, Bà H, bởi vì: Quyết định số 1181 mặc dù đã bị thu hồi do ban hành trái thẩm quyền nhưng Quyết định số 1181 là quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là quyết định thu hồi đất; sau khi ban hành Quyết định 1181, chính quyền xã, huyện không có bất cứ văn bản, hành vi nào ngăn cản, cấm hộ ông C, Bà H tiếp tục sản xuất trên đất; cũng qua xác minh thực tế các hộ dân xung quanh thì hộ ông C, Bà H vẫn canh tác trên đất có Giấy chứng nhận bị thu hồi. Mặt khác, trong quá trình giải quyết bồi thường, đoàn kiểm tra huyện xác minh thì tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện L ra quyết định số 1181 là ngày 17/4/2014 trở về trước, hộ ông C, Bà H chưa từng thế chấp vay vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi và cũng không có khoản vay nào phải trả nợ trước hạn. Do đó cả hai khoản thiệt hại nguyên đơn nêu ra đều không xảy ra trên thực tế và cũng không do lỗi của Ủy ban nhân dân huyện L trong việc ban hành Quyết định số 1181.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 598 của Bộ luật dân sự; Điều 4, 6, 7, khoản 1 Điều 17, Điều 28, khoản 2 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 54 và khoản 1 Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bồi thường thiệt hại do mất thu nhập về hoa màu lợi tức, tiền lãi phát sinh do trả nợ trước hạn, tiền mất thu nhập do thực hiện quyền khiếu nại, khiếu kiện Quyết định hành chính trái pháp luật, khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H;

Ủy ban nhân dân huyện L có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H về khoản chi phí đi lại, in ấn tài liệu; chi phí gửi đơn, thư với số tiền là 6.806.000 (Sáu triệu tám trăm linh sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện L chịu 340.000 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại 4.120.000 đồng mà ông C, Bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0013535 ngày 31/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngày 02/12/2019, nguyên đơn ông Hồ Văn C kháng toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp

luật nên được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện bồi thường Nhà nước của nguyên đơn ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H, thì thấy:

Năm 1995 - 1996, hộ ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H nhận chuyển nhượng 03 thửa đất của một số hộ dân để canh tác. Đến ngày 12/12/2011, hộ ông C, Bà H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 705699 đối với thửa số 253, tờ bản đồ số 55, diện tích 335,5 m²; Số BG 705700, đối với thửa số 224, tờ bản đồ số 55, diện tích: 1915,7 m² và Số BG 705701 đối với thửa số 220, tờ bản đồ số 55, diện tích 3298,1 m². Tất cả các thửa đất nói trên đều tọa lạc tại xã ĐN, huyện L, tỉnh Đắk Lắk;

Tuy nhiên, ngày 17/4/2014, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND, thu hồi và hủy bỏ đối với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của hộ ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H với lý do cấp nhầm 5% diện tích đất của xã. Không đồng ý với Quyết định số 1181 của Ủy ban nhân dân huyện L nên ông C, Bà H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Lắk để yêu cầu hủy Quyết định số 1181 của Ủy ban nhân dân huyện L. Quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1181 trên là trái pháp luật, ban hành trái thẩm quyền nên ngày 22/6/2015 UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 1529/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 1181.

Ông C, Bà H cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1181 đã gây thiệt hại cho ông C, Bà H. Do đó, ông C, Bà H khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường tổng số tiền 173.800.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 thì căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi có đủ các căn cứ sau:

+ Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;

+ Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này;

+ Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại.

Đối chiếu với trường hợp của ông C, Bà H thì thấy:

- Xét về căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành

công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường: Tại Quyết định số 1529 đã xác định việc Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định 1181 là trái pháp luật (trái thẩm quyền) nên Ủy ban nhân dân huyện L đã hủy bỏ Quyết định 1181. Như vậy, Quyết định số 1529 là văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, đồng thời ông C, Bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự yêu cầu bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7; khoản 3 Điều 8 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

- Xét thiệt hại thực tế của ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả xảy ra: Quyết định số 1181 là quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không phải là quyết định thu hồi đất; Đồng thời trên thực tế chưa có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào ngăn cản hộ gia đình ông C, Bà H sử dụng đất. Việc ông C, Bà H cho rằng sau khi Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1181 thì Ủy ban nhân dân xã đã cho các ban ngành cưỡng chế không cho ông, bà sử dụng đất trong thời hạn 14 tháng nhưng ông C, Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lập luận của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, việc không sử dụng đất không phải do Quyết định 1181 gây ra; nghĩa là giữa việc thất thu hoa màu và việc ban hành Quyết định 1181 không có mối quan hệ nhân quả.

Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền trả nợ trước hạn cho Ngân hàng do bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Lắc cho thấy từ trước và trong khoảng thời gian có Quyết định 1181 đến khi có Quyết định 1529 thu hồi Quyết định 1181 thì gia đình ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H chưa sử dụng 03 Giấy chứng nhận bị thu hồi để thế chấp vay tiền; thực tế hộ ông C sử dụng 03 Giấy CNQSD đất trên để thế chấp vay tiền là ngày 27/11/2015, sau thời điểm Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1529; Tại “Trang bổ sung giấy chứng nhận” của các Giấy chứng nhận bị thu hồi thể hiện ngày 27/11/2015 mới đăng ký thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L. Ngoài ra, theo xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L thì hộ ông Hồ Văn C và bà Lê Thị H không có khoản vay nào phải trả nợ trước hạn.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập ngày công do thực hiện quyền khiếu nại, khiếu kiện là 12.000.000 đồng: Đây là khoản chi phí không được pháp luật định.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 173.800.000 đồng (Trong đó: 10.800.000 đồng là khoản tiền trả nợ lãi trước hạn 06 tháng đối với khoản vay 60 triệu đồng; Tiền mất thu nhập trên diện tích đất 6,7 sào là 151.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền mất thu nhập ngày công do thực hiện quyền khiếu nại, khiếu kiện) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với chi phí đi lại, in ấn tài liệu và chi phí gửi đơn thư là: 6.806.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn C về việc đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn C – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 598 của Bộ luật dân sự; Điều 4, 6, 7, khoản 1 Điều 17, Điều 28, khoản 2 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 54 và khoản 1 Điều 76 của Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước;

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bồi thường thiệt hại do mất thu nhập về hoa màu lợi tức, tiền lãi phát sinh do trả nợ trước hạn, tiền mất thu nhập do thực hiện quyền khiếu nại, khiếu kiện Quyết định hành chính trái pháp luật, khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H;

Ủy ban nhân dân huyện L có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H về khoản chi phí đi lại, in ấn tài liệu; chi phí gửi đơn, thư với số tiền là 6.806.000 (Sáu triệu tám trăm linh sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện L chịu 340.000 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Hồ Văn C, bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.120.000 (Bốn triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0013535 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông C số tiền 300.000 đồng theo mà ông C đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0013658 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện L;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết